

CHẾ TÀI PHẠT VI PHẠM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

● NGUYỄN CÔNG TIẾN

TÓM TẮT:

Phạt vi phạm là một chế tài tiền tệ, được áp dụng phổ biến đối với tất cả các hành vi vi phạm các điều khoản của hợp đồng. Chế tài phạt vi phạm mang tính chất cứng rắn và có chức năng chủ yếu là trừng phạt, phòng ngừa vi phạm hợp đồng, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật nói chung và pháp luật hợp đồng nói riêng. Bài viết sẽ tập trung phân tích các quy định pháp luật về chế tài phạt vi phạm và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế tài phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng thương mại.

Từ khóa: vi phạm hợp đồng thương mại, phạt vi phạm, chế tài phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng thương mại.

1. Thực trạng quy định về chế tài phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam

Chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại chỉ được áp dụng khi có những căn cứ do pháp luật quy định. Với mỗi hình thức chế tài, các căn cứ áp dụng cũng có sự khác biệt nhất định, phụ thuộc vào tính chất và hình thức của chế tài đó. Trong đó, căn cứ theo Điều 292 Luật Thương mại năm 2005, phạt vi phạm là một trong các chế tài mà các bên phải chịu khi có hành vi vi phạm Hợp đồng thương mại.

Theo khoản 1 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Phạt vi phạm là sự thỏa thuận*

giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm”. Điều 300 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này...”. Như vậy, căn cứ vào 2 quy định trên, có thể thấy, phạt vi phạm trước tiên là một chế tài theo sự thỏa thuận giữa các bên. Theo đó, phạt vi phạm sẽ là chế tài do bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm phải thực hiện, trả một khoản tiền nhất định. Mục đích chủ yếu của bên bị vi phạm khi áp dụng hình thức chế tài này không

phải là “hành vi” giống như buộc thực hiện đúng hợp đồng mà là khoản tiền phạt mà bên vi phạm phải trả. Chế tài phạt vi phạm chỉ được đặt ra khi xuất hiện sự vi phạm hợp đồng của một bên chủ thể trong hợp đồng thương mại.¹

Theo Luật Thương mại năm 2005, ngoài căn cứ chung là một bên có hành vi vi phạm hợp đồng và có lỗi của bên vi phạm hợp đồng, chế tài phạt vi phạm chỉ được áp dụng khi “trong hợp đồng có thỏa thuận”, nếu hợp đồng không có sự thỏa thuận về phạt vi phạm thì bên bị vi phạm chỉ có quyền đòi bồi thường thiệt hại². Luật Thương mại 2005 đã khắc phục được những hạn chế của Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế trước đây, đó là: Pháp lệnh buộc bên có hành vi vi phạm phải nộp phạt vi phạm hợp đồng và trong trường hợp có thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại, bất kể các bên có thỏa thuận nội dung đó trong hợp đồng hay không. Quy định trên đã tạo ra sự áp đặt cho các bên, làm hạn chế sự thỏa thuận của các bên trong các quan hệ kinh doanh, thương mại, quan hệ hợp đồng. Đồng thời, cũng tạo ra gánh nặng tài chính cho bên vi phạm vì nhiều khi khoản tiền bồi thường thiệt hại còn nhiều hơn cả thiệt hại thực tế xảy ra. Đã tạo ra gánh nặng vật chất khá nặng nề cho bên vi phạm và trong nhiều trường hợp, bên bị vi phạm nhận được một khoản tiền phạt cộng bồi thường thiệt hại lớn hơn cả thiệt hại thực tế xảy ra.

Đối với mức tiền phạt, khoản 2 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Như vậy, Bộ luật Dân sự không đưa ra giới hạn mức phạt mà mức phạt bao nhiêu sẽ do các bên tự thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. Mặt khác, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này”. Đối với hợp đồng dịch vụ giám định, mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận có thể lên đến 10 lần

thù lao dịch vụ giám định, tức là có thể gấp 10 lần giá trị hợp đồng. Trên thực tế, vẫn còn những vướng mắc liên quan đến quy định này:

Thứ nhất, việc giới hạn mức phạt vi phạm trên của Luật Thương mại có hợp lý hay không và có làm hạn chế quyền tự do thỏa thuận của các bên hay không? Bởi vì, bản chất của hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên, vì thế, nên chẳng hãy để các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm khi thỏa thuận và lựa chọn mức phạt. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, việc đặt ra giới hạn mức phạt vi phạm như trên không vi phạm cũng như không làm hạn chế quyền tự do thỏa thuận của các bên trong quan hệ hợp đồng. Bởi, sự tự do hợp đồng nào cũng vậy, cũng phải đặt trong khuôn khổ và giới hạn nhất định, đó chính là pháp luật. Đồng thời, đó cũng là điều khoản nhằm bảo vệ quyền lợi của bên bị yếu thế hơn trong quan hệ hợp đồng. Song, với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, các hoạt động thương mại diễn ra ngày càng nhiều hơn thì giới hạn mức phạt vi phạm theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 đã không còn phù hợp.

Thứ hai, nếu trong hợp đồng 2 bên thỏa thuận mức phạt vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, chẳng hạn như 2 bên thỏa thuận, mức phạt 20%, 50% hay 100% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm... thì sẽ xử lý như thế nào? Luật Thương mại năm 2005 đang quy định mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Đây là quy định chưa triệt để bởi chưa có cách thức nào giải quyết cho trường hợp nêu trên. Liên quan đến vấn đề này, có 2 quan điểm khác nhau: Quan điểm thứ nhất cho rằng, việc thỏa thuận này là vô hiệu và không được áp dụng. Vì vậy, khi giải quyết tranh chấp về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, không chấp nhận yêu cầu này bởi vì xem như 2 bên không có thỏa thuận. Quan điểm thứ hai cho rằng, việc thỏa thuận vượt quá 8% chỉ vô hiệu một phần đối với mức phạt vượt quá 8% còn điều khoản phạt vi phạm hợp đồng hoàn toàn có hiệu lực, trong trường hợp này có thể áp dụng mức tối đa 8% yêu cầu của bên bị vi phạm, phần vượt quá không được chấp nhận.

Mặt khác, nếu các bên không thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về mức phạt thì có áp dụng phạt vi phạm được không? Một số quan điểm cho rằng, nếu các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về mức phạt, cơ quan tài phán sẽ cân nhắc để áp dụng mức phạt tùy thuộc vào mức độ vi phạm và nguyên nhân của vi phạm nhưng tối đa không quá 8% phần nghĩa vụ bị vi phạm. Tuy nhiên, theo Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 thì mức phạt vi phạm “do các bên thỏa thuận trong hợp đồng”. Do đó cũng có thể hiểu nếu các bên không thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về mức phạt, thì không đủ căn cứ để áp dụng chế tài phạt vi phạm.

Thứ ba, liên quan đến việc xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” là bao nhiêu để có thể tính toán ra số tiền phạt vi phạm thực tế, đây là vấn đề hoàn toàn không đơn giản. Đối với những hợp đồng mà phần vi phạm có thể được tính cụ thể thì quy định này không khó khăn cho việc thực thi. Nhưng trên thực tế không phải hợp đồng nào cũng có thể tính toán rõ ràng phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu đó là một hợp đồng dịch vụ hay một công việc phải thực hiện thì việc xác định sẽ khó khăn hơn nhiều.

Thứ tư, mối quan hệ giữa chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại:

Liên quan đến cách thức áp dụng chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại được quy định cụ thể tại Điều 307 Luật Thương mại (i). Trường hợp các bên không có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm chỉ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp Luật này có quy định khác.

(2). Trường hợp các bên có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền áp dụng cả chế tài phạt vi phạm và buộc bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp Luật này có quy định khác³. Theo đó, trường hợp các bên có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền áp dụng cả chế tài phạt vi phạm và buộc bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp Luật này có quy định khác. Trong khi đó, khoản 3 Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015

lại quy định, trường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm. Như vậy, nếu theo quy định của Bộ luật Dân sự thì để áp dụng đồng thời cả 2 chế tài thì các bên phải thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại trong hợp đồng. Như vậy, các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại chưa có sự thống nhất với nhau, dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật trên thực tế.

2. Đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về chế tài phạt vi phạm do vi phạm hợp đồng thương mại

Thứ nhất, trong thực tiễn hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các bên trong quan hệ hợp đồng thương mại thường thỏa thuận và áp dụng chế tài phạt vi phạm. Phạt vi phạm là một hình thức chế tài do vi phạm hợp đồng, nhưng xét về bản chất, đây chính là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Trên thực tế, không ít các trường hợp, do không muốn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng nên chấp nhận phạt vi phạm, bởi mức phạt vi phạm theo quy định của pháp luật chỉ dừng lại ở con số 8%. Như vậy, có thể thấy, mức phạt vi phạm tối đa 8% trong Luật Thương mại năm 2005 là quá thấp, không còn phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay. Do đó, các nhà lập pháp nên nghiên cứu và xem xét bỏ mức phạt vi phạm 8% và thay bằng một mức phạt vi phạm tối đa cao hơn nhằm tăng tính răn đe, và để các chủ thể nhìn vào đó thực hiện tốt nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng.

Thứ hai, cần quy định cách thức giải quyết trong trường hợp các bên chủ thể trong hợp đồng thương mại thỏa thuận mức phạt lớn hơn 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Theo đó, tác giả không đồng ý với quan điểm đó là thỏa thuận mức phạt vi phạm lớn hơn 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm thì phần vượt quá không được tính. Dù biết, bản chất hợp đồng là ý chí của các bên trong trường hợp này

các bên hoàn toàn chấp nhận sẽ chịu phạt nếu vi phạm hợp đồng, còn việc thỏa thuận mức phạt vượt mức mà pháp luật quy định không có nghĩa là không có điều khoản về phạt vi phạm. Tuy nhiên, nếu các bên thỏa thuận vượt quá mức phạt theo quy định của luật mà khi xảy ra tranh chấp, mức phạt vẫn được xác định là 8% thì điều này sẽ thúc đẩy các bên thỏa thuận vượt mức 8%. Bởi, dù các bên trong quan hệ hợp đồng có thỏa thuận vượt quá giới hạn luật định thì thỏa thuận vẫn được công nhận với mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm mà không hề bị vô hiệu. Như vậy, theo quan điểm của tác giả, với trường hợp các bên trong quan hệ hợp đồng thỏa thuận mức phạt lớn hơn 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm thì điều khoản phạt vi phạm này sẽ vô hiệu. Như vậy, pháp luật nên quy định rõ ràng hơn về vấn đề này để các chủ thể tham gia vào quan hệ hợp đồng sẽ biết được chính xác quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó có thể đưa ra những thỏa thuận phù hợp và hợp pháp.

Đồng thời, có thể xem xét thay đổi quy định mức phạt vi phạm theo hướng tương xứng với mức độ thiệt hại. Khi thay đổi theo hướng này, nên bổ sung quy định về sự can thiệp nhất định của cơ quan tài phán trong trường hợp mức phạt quá cao hay quá thấp căn cứ trên việc phạt vi phạm phải tương xứng với mức độ thiệt hại.

Thứ ba, do còn tồn tại những vướng mắc liên quan đến xác định “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” nên các chủ thể tham gia vào quan hệ

hợp đồng cần chủ động trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Đặc biệt, các bên nên tìm hiểu cụ thể các quy định pháp luật hiện hành và bằng biện pháp thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng hạn chế được một phần các rủi ro có thể xảy ra với mình trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Thứ tư, cần có sự thống nhất trong quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại về mối quan hệ giữa chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại. Theo đó, có quan điểm cho rằng “quy định trong Luật thương mại phù hợp hơn, vì chế tài bồi thường thiệt hại được áp dụng dựa trên thiệt hại thực tế xảy ra. Do đó, nếu chỉ áp dụng chế tài phạt vi phạm thì trong nhiều trường hợp, mức phạt vi phạm sẽ không đủ khắc phục thiệt hại xảy ra cho người bị vi phạm. Chỉ trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về phạt vi phạm mà có thiệt hại do vi phạm hợp đồng xảy ra, bên bị vi phạm mới đương nhiên được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Điều này khiến cho quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại trong các trường hợp không có sự thống nhất. Tức là có trường hợp chế tài bồi thường thiệt hại chỉ được áp dụng nếu có thỏa thuận, nhưng lại có trường hợp đương nhiên được áp dụng khi có thiệt hại xảy ra”.⁴ Tác giả đồng tình với quan điểm này, do đó, nên sửa đổi Bộ luật Dân sự thống nhất với Luật Thương mại năm 2005, áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng dựa trên thiệt hại thực tế, thay vì sự thỏa thuận giữa các bên trong quan hệ hợp đồng ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Đình Văn Cường (2020), Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại và mối quan hệ giữa hai chế tài, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 03-2020, tr.50-55.

²Điều 307 Luật Thương mại năm 2005.

³Trường hợp các bên có thỏa thuận phạt vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền áp dụng cả chế tài phạt vi phạm và buộc bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp Luật này có quy định khác”.

⁴Nguyễn Văn Hối (2020), Sự không thống nhất trong quy định về hợp đồng giữa Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự, truy cập tại: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210500>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại năm 2005*.
2. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*.
3. Đinh Văn Cường (2020), Thực trạng pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại và mối quan hệ giữa hai chế tài, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 03-2020, tr.50-55.
4. Đỗ Văn Đại (2007), Phạt vi phạm hợp đồng trong pháp luật thực định Việt Nam, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, Số 19/2007, tr. 13.
5. Trần Linh Huân & Nguyễn Phước Thanh (2022), Phạt vi phạm trong hoạt động thương mại một số bất cập và giải pháp hoàn thiện pháp luật, truy cập tại: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/phat-vi-pham-trong-hoat-dong-thuong-mai-mot-so-bat-cap-va-giai-phap-hoan-thien-phap-luat5881.html>.
6. Nguyễn Văn Hợi (2020), Sự không thống nhất trong quy định về hợp đồng giữa Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự, truy cập tại: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210500>.

Ngày nhận bài: 1/6/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/6/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/7/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN CÔNG TIẾN

**LEGAL PROVISIONS ON FINES
FOR BREACH OF COMMERCIAL CONTRACT
UNDER VIETNAM'S LAWS**

● Master. **NGUYEN CONG TIEN**

ABSTRACT:

Fines for breach of contract is a monetary sanction, and it is widely applied to all contract violations. Fines for breach of contract are a tough sanction and their function is mainly to punish and prevent contract violations, increasing respect for the law in general and the law of contracts in particular. This paper analyzes the legal provisions on fines for breach of contract, and proposes some solutions to complete provisions on fines for breach of commercial contract.

Keywords: commercial contract violations, fines for breach of contract, regulation for fines for breach of commercial contracts.